TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRÀ ÔN** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 35/2021/QĐST-DS	*Trà Ôn, ngày 22 tháng 01 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 14 tháng 01 năm 2021, về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 358/2020/TLST-DS, ngày 25 tháng 12 năm 2020.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: **Trần Thị T**, sinh năm 1964.

Địa chỉ cư trú: ấp HL, xã HB, huyện TO, tỉnh Vĩnh Long

- Bị đơn: 1/ **Lê Thị T**, sinh năm 1969.

2/ **Phạm Văn U**, sinh năm 1967.

Cùng địa chỉ cư trú: ấp HL, xã HB, huyện TO, tỉnh Vĩnh Long.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Chị Lê Thị T có nghĩa vụ trả cho Trần Thị T số tiền hụi còn nợ 52.450.000 đồng *(Năm mươi hai triệu bốn trăm năm mươi ngàn đồng).*

Kể từ ngày tiếp theo của ngày ra Quyết định này cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Trần Thị T có nghĩa vụ nộp 655.625đ nhưng khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 1.843.000 đồng bà Trần Thị T đã nộp theo lai

thu số 0016629 ngày 18/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TO, còn lại 1.187.375 (*Một triệu một trăm tám mươi bảy ngàn ba trăm bảy mươi lăm đồng)* hoàn trả cho bà T.

Buộc chị Lê Thị T có nghĩa vụ nộp 655.625đ (*Sáu trăm năm mươi lăm ngàn sáu trăm hai mươi lăm đồng*) nhưng do bà Lê Thị T thuộc diện gia đình liệt sĩ được quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/16/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên miễn toàn bộ cho bà T.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện TO;
- Lưu: hồ sơ.

THẨM PHÁN
Đã ký

Trần Hoàng Phú